

Bản án số: 08/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 26-3-2024  
V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU – TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoài Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hải;

Bà Lê Thị sinh Phương.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Đỗ Cao Cường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** bà Phạm Thị Thảo Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2024 về việc “*Tranh chấp về ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2024 giữa:

1. **Nguyên đơn:** Bà **Võ Thị Q**, sinh năm 1970. Địa chỉ: **Ấp P, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh** (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. **Bị đơn:** Ông **Lê Văn D**, sinh năm 1970. Địa chỉ: **Ấp P, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh** (có đơn xin xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện ngày 19-11-2023 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà **Võ Thị Q** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: bà **Võ Thị Q** và ông **Lê Văn D** trên cơ sở tìm hiểu một thời gian thì tiến đến hôn nhân tự nguyện vào năm 1993 đến năm 2002 đăng ký kết hôn tại **UBND xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh**. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông **D** không tin

tướng bà Q, ghen tuông nên nhiều lần chửi mắng bà Q, dẫn đến vợ chồng thường xuyên gây gổ nhau. Có lần ông D đến trường nơi bà Q dạy học để gặp thầy hiệu trưởng báo về việc gia đình yêu cầu thầy hiệu trưởng xử lý. Vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, gây gổ nhau làm ảnh hưởng đến tinh thần của bà Q. Ngoài ra, ông D còn không lo làm ăn, phụ giúp bà Q chăm lo cho gia đình, đến nay mọi việc trong nhà đều do bà Q lo liệu. Năm 2021 bà Q đã nộp đơn ly hôn 01 lần nhưng ông D đã năn nỉ, cam kết thay đổi nên bà rút đơn về đoàn tụ gia đình nhưng sau đó vợ chồng tiếp tục mâu thuẫn như trước, do ông D gây gổ nhiều lần nên bà đã ra sống riêng cùng con trai. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2020 đến nay, tình cảm vợ chồng không còn. Xét thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn, tiếp tục chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Q yêu cầu ly hôn với ông Lê Văn D.

*Về con chung:* bà Võ Thị Q và ông Lê Văn D có 02 con chung là Lê Tuấn A, sinh ngày: 05/10/1993 và Lê Hải A1, sinh ngày: 28/08/1997. Hiện con chung đã thành niên, tự lao động sinh sống được, bà Q và ông D không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

*Về tài sản chung:* bà Q trình bày không có, không yêu cầu giải quyết.

*Về nợ chung:* bà Q trình bày không có, không yêu cầu giải quyết.

*Bị đơn – Ông Lê Văn D đã khai:* ông và bà Q kết hôn năm 2002, tại UBND xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 phát sinh mâu thuẫn, bà Q đã nộp đơn xin ly hôn một lần, nhưng sau đó hòa giải, hàn gắn để tiếp tục chung sống nhưng đến năm 2022 thì lại phát sinh mâu thuẫn gây gổ cãi vã nhau, do bà Q đi dạy học xong về nhà tụ tập bạn bè, ăn nhậu, bà Q còn tự ý lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình giao cho người khác để vay tiền không hỏi ý kiến của ông D, ông D biết được có chửi mắng bà Q, vợ chồng gây gổ, bà Q đã bỏ ra ngoài sinh sống. Hiện tại, bà Q sống ở đâu không rõ. Vợ chồng ly thân từ năm 2020 đến nay. Tuy nhiên, ông D vẫn còn tình cảm với bà Q nên ông không đồng ý ly hôn với bà Q.

- *Về con chung:* ông thống nhất với lời trình bày của bà Q.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* ông thống nhất với lời trình bày của bà Q.

Tuy nhiên, do bận công việc nên ông xin được xét xử vắng mặt.

*Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

*Về tố tụng:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng

dân sự. Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ, có lời khai. Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 238 Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng pháp luật. Kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Kiểm sát viên không phát hiện vi phạm tố tụng.

*Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Khoản 4 Điều 147 BLTTDS, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án đề nghị hội đồng xét xử tuyên xử:

*Về hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà **Võ Thị Q** đối với ông **Lê Văn D**.

*Về con chung:* bà **Võ Thị Q** và ông **Lê Văn D** có 02 con chung là **Lê Tuấn A**, sinh ngày: 05/10/1993 và **Lê Hải A1**, sinh ngày: 28/08/1997. Hiện con chung đã thành niên, tự lao động sinh sống được, bà **Q** và ông **D** không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

*Về tài sản chung và nợ chung:* bà **Võ Thị Q** và ông **Lê Văn D** không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các bên cung cấp và qua kết quả thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về tố tụng: bà **Võ Thị Q** khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông **Lê Văn D**, ông **D** có địa chỉ tại **huyện B, tỉnh Tây Ninh** nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết, ông **D** đã có biên bản lấy lời khai và đơn xin xét xử vắng mặt. Do bà **Q**, ông **D** đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà **Q**, ông **D**.

[2] Về hôn nhân: Giữa bà **Võ Thị Q** với ông **Lê Văn D** có đăng ký kết hôn tại **UBND xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh** và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 11/2002, ngày 20 tháng 8 năm 2002 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, quá trình chung sống giữa bà **Q** và ông **D** phát sinh mâu thuẫn do ông **D**, bà **Q** thường xuyên gây gổ, cãi vã với nhau. Cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, thời gian ly thân đã lâu, bà **Q** mong muốn được ly hôn, ông **D** có nguyện vọng được đoàn tụ nhưng không hàn gắn, hòa

giải được với bà Q. Xét thấy, hôn nhân giữa bà Q và ông D có mâu thuẫn trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà Q đối với ông D là có cơ sở nên cần chấp nhận.

[3] Về con chung: bà Q, ông D có hai người con chung tên là Lê Tuấn A, sinh ngày: 05/10/1993 và Lê Hải A1, sinh ngày: 28/08/1997. Hiện con chung đã thành niên, tự lao động sinh sống được, bà Q và ông D không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung: bà Q và ông D không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về nợ chung: bà Q và ông D không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[6] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: bà Võ Thị Q phải chịu án phí theo qui định của pháp luật. Ông Lê Văn D không phải chịu án phí.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ Luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Võ Thị Q đối với ông Lê Văn D. Bà Q được ly hôn với ông D.

2. Về con chung: bà Q, ông D có hai người con chung tên là Lê Tuấn A, sinh ngày: 05/10/1993 và Lê Hải A1, sinh ngày: 28/08/1997. Hiện con chung đã thành niên, tự lao động sinh sống được, bà Q và ông D không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: bà Võ Thị Q, ông Lê Văn D không yêu cầu, nên không đặt ra giải quyết.

4. Về nợ chung: bà Võ Thị Q, ông Lê Văn D không yêu cầu, nên không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí: bà Võ Thị Q phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, cho khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà Võ Thị Q đã nộp 300.000 đồng

theo biên lai số: 0012101 ngày 12/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Ông **Lê Văn D** không phải chịu án phí.

6. Về quyền kháng cáo bản án: Bà **Võ Thị Q**, ông **Lê Văn D** có quyền kháng cáo theo trình tự thủ tục phúc thẩm lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp pháp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- C.c THADS huyện Bến Cầu;
- UBND xã Long Phước, huyện Bến Cầu (lưu);
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Hoài Tâm**